

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH
V/v: “Yêu cầu xác định cha cho con”
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT

Thành phần giải Quyết việc hôn nhân gia đình gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà **Nguyễn Đặng Thị Thới**.
Thư ký phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Loan** - Thư ký Tòa án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên họp: Bà **Đoàn Dĩ Ly Đan** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải Quyết việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 30/2019/TLST-VDS ngày 27/02/2019 về việc “*Yêu cầu xác định cha cho con*” theo Quyết định mở phiên họp số: 49/2019/QĐPH-ST ngày 28 tháng 8 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải Quyết việc hôn nhân gia đình:* Ông **Lê N. L**, sinh năm: 1973.
Địa chỉ: 27/10 đường K, Phường H, thành phố Đà Lạt, tỉnh L Đồng.
- *Đối với:* Cụ ông **Lê N. P**, sinh năm: 1937 (chết).
- Nơi đăng ký NKTT: Số 13, tổ 15, đường S, thị trấn W , huyện Đức Trọng, tỉnh L Đồng.
- *Người bảo vệ Quyền, lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải Quyết việc dân sự:* Luật sư **Huỳnh Tho** – Văn phòng Luật sư Nhân Tín thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng.
- *Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
 1. Cụ ông **Lê N. A**, sinh năm: 1948;
Địa chỉ: 54 thôn A, xã O, huyện Đức Trọng, tỉnh L Đồng.
 2. Cụ bà **Trần T. Q**, sinh năm: 1942;
Địa chỉ: 54 đường T, thị trấn W , huyện Đức Trọng, tỉnh L Đồng.
 3. Cụ bà **Lê T. Oa**, sinh năm: 1938.
Địa chỉ: Thôn HB, xã Y, huyện Tư nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.(Ông L , Luật sư Tho có mặt;
Cụ A, cụ Q, cụ Oa có đơn xin vắng mặt tại phiên họp)

NỘI DUNG VỤ VIỆC:

Theo đơn yêu cầu giải Quyết việc hôn nhân gia đình và lời trình bày của người yêu cầu ông Lê N. L thể hiện thì:

Cụ Trần T. Q là mẹ đẻ của ông Lê N. L, cụ Q và cụ ông Lê N. P kết hôn vào năm 1971, có tổ chức cưới tại Tùng Nghĩa (*Liên Nghĩa*), Đức Trọng, L

Đồng. Sau 03 năm chung sống, một phần do vợ chồng không hòa hợp, phần khác do không có người chăm sóc khi sinh con nên cụ Q đã về quê ngoại ở Quảng Ngãi ở và sinh ra ông Lê N. L vào ngày 19/7/1973.

Năm 1976, cụ Q quay về nhà ở Đức Trọng thì biết được cụ P đưa cụ Võ T. L về sống trong căn nhà cũ của hai cụ trước đây từng ở nên cụ Q và Ông L ra thuê nhà ở chỗ khác.

Năm 1987, cụ P và Ông L nhận cha con tuy không làm thủ tục hành chính tại chính quyền địa phương nhưng cụ P viết đơn xin nhập khẩu cho Ông L về sống cùng nhà tại thị trấn W, huyện Đức Trọng (*Đơn được UBND và Trưởng Công an thị trấn W, huyện Đức Trọng xác nhận*).

Ông L đã sống cùng cụ P và cụ L tại địa chỉ được nhập khẩu trên cho đến thời điểm cụ P chết vào ngày 11/6/2015. Nay Ông L yêu cầu Tòa án xác định ông là con ruột của cụ ông Lê N. P.

Những người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Theo đơn xin cam đoan của cụ bà Trần T. Q ngày 14/12/2018 (BL 27) thể hiện thể hiện thì:

Cụ Q là mẹ ruột của ông Lê N. L. Cụ và cụ Lê N. P là người cùng quê tại Quảng Ngãi vào Tùng Nghĩa, Đức Trọng làm ăn, sinh sống, được anh em họ hàng mai mối nên hai cụ kết hôn với nhau vào năm 1971, có tổ chức đám cưới với sự chứng kiến của bà con họ hàng. Sau khi kết hôn, hai cụ đã mua đất, làm nhà ở tại xã Tùng Nghĩa, Đức Trọng (*Nay là số 13, tổ 15 đường S, thị trấn W, huyện Đức Trọng*). Vợ chồng chung sống được 03 năm thì cụ về quê sống với cha mẹ ruột ở Quảng Ngãi do vợ chồng không hòa hợp và do không có người chăm sóc con sau khi cụ sinh. Ông Lê N. L được cụ sinh vào ngày 19/7/1973.

2. Theo đơn xin làm chứng và đơn xin cam đoan của cụ ông Lê N. A ngày 14/12/2018 (BL 23, 32) thể hiện thì:

Cụ là em ruột của cụ Lê N. P. Cụ ông Lê N. P và cụ bà Trần T. Q là người cùng quê Quảng Ngãi vào Đức Trọng làm ăn, sinh sống, được mai mối nên hai cụ kết hôn với nhau vào năm 1971 với sự chứng kiến của bạn bà, họ hàng hai bên. Sau khi cưới, cụ P và cụ Q chung sống tại số 13, tổ 15 đường S, thị trấn W, huyện Đức Trọng.

Mặt khác, cụ A và Ông L đã thực hiện việc kiểm tra quan hệ huyết thống (*phân tích mẫu ADN*) được thực hiện bởi đơn vị có chức năng và cho ra kết luận: có quan hệ huyết thống theo dòng nội. Từ đó, cụ A khẳng định: Lê N. L, sinh ngày: 19/7/1973 là cháu ruột của cụ và là con ruột của cụ bà Q với cụ ông Lê N. P.

3. Theo đơn xin cam đoan và đơn xin làm chứng của cụ bà Lê T. Oa (BL 17, 25) thể hiện thì:

Cụ là em ruột của cụ Lê N. P. Cụ ông Lê N. P và cụ bà Trần T. Q là người cùng quê Quảng Ngãi vào Đức Trọng làm ăn, sinh sống, được mai mối nên hai cụ kết hôn với nhau vào năm 1971 với sự chứng kiến của bạn bà, họ hàng hai bên. Sau khi cưới, cụ P và cụ Q chung sống tại số 13, tổ 15 đường S, thị trấn W, huyện Đức Trọng. Cụ Q và cụ P chung sống được 03 năm thì cụ Q về quê sống cùng cha mẹ ruột tại Quảng Ngãi và cháu L do cụ Q sinh ra vào ngày

19/7/1973. Do đó, cụ Oa xác nhận: Lê N. L là cháu ruột của cụ cũng là con ruột của cụ ông Lê N. P và cụ bà Trần T. Q.

Tại phiên họp hôm nay,

Luật sư bảo vệ Q ền lợi cho ông Lê N. L đề nghị Hội đồng họp xét chấp nhận đơn yêu cầu của ông Lê N. L, xác nhận cụ ông Lê N. P là cha ruột của ông Lê N. L.

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu của Ông L :

1. Căn cứ vào đơn xin nhập khẩu của cụ ông Lê N. P lập năm 1987 có xác nhận của chính quyền địa phương. Thông qua nội dung đơn thể hiện cụ P thừa nhận ông Lê N. L là con trai mình;

2. Lời thừa nhận của cụ ông Lê N. A, cụ bà Lê T. Oa (đều là em ruột, có quan hệ huyết thống do cùng cha, cùng mẹ sinh ra với cụ ông P) thể hiện: Ông L là cháu ruột của các cụ và cũng là con đẻ của cụ bà Q và cụ ông P ;

3. Kết quả giám định AND giữa cụ ông Lê N. A với ông Lê N. L khẳng định có quan hệ huyết thống.

Người có đơn yêu cầu: Ông Lê N. L vẫn giữ nguyên yêu cầu và thống nhất với trình bày của luật sư bảo vệ quyền lợi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (cụ bà Trần T. Q, cụ bà Trần T. Oa, cụ ông Trần N. A) tuy vắng mặt tại phiên họp nhưng theo đơn xin vắng mặt thì các cụ vẫn giữ nguyên nội dung trình bày được nộp tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải Quyết việc hôn nhân gia đình, Thẩm phán, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, người yêu cầu giải quyết việc dân sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Tòa án áp dụng Điều 88, Điều 102 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu của ông Lê N. L về việc yêu cầu Tòa án xác định ông là con đẻ của cụ ông Lê N. P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại Phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng nhận định:

{1} Căn cứ vào lời trình bày của ông Lê N. L tại phiên họp qua đối chiếu lời khai của cụ bà Trần T. Q, cụ ông Lê N. A, cụ bà Lê T. Oa và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thì có căn cứ xác định:

Vào năm 1971, cụ ông Lê N. P và cụ bà Trần T. Q tự nguyện tiến đến hôn nhân, hai cụ có tổ chức lễ cưới với sự tham gia chứng kiến của gia đình, họ hàng, bạn bè hai bên nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, hai cụ đã làm nhà và sinh sống tại xã Tùng Nghĩa, Đức Trọng (Nay là Số 13, tổ 15, đường S, thị trấn W, huyện Đức Trọng). Sau 03 năm chung sống, cụ Q đã về quê ở Quảng Ngãi sống cùng với cha mẹ đẻ khi đang mang thai và sinh ra ông Lê N. L vào ngày 19/7/1973. Sau đó, cụ Q quay về nhà cũ ở Tùng Nghĩa (là nơi ở trước đây của cụ và cụ P) thì biết được cụ P đang chung sống với người khác là cụ bà Võ T. L nên cụ Q đã phải thuê nhà khác để ở. Còn Ông L thì vẫn ở cùng với

ông bà Ngoại tại Quảng Ngãi từ khi được sinh ra cho đến năm 1987 khi cụ P đến nhận cha con và đưa về Liên Nghĩa sống cùng.

Vào ngày 28/11/1987, cụ ông Lê N. P làm đơn gửi UBND huyện Đức Trọng, UBND thị trấn W, Công an Thị trấn W xem xét cho con trai của cụ là Lê N. L được nhập vào khẩu người cha Lê N. P tại địa chỉ: Số 184K Liên Giới – Cao Thái, Thị trấn W, Đức Trọng, L Đồng với lý do: “*Tình cha con xa cách từ lúc còn nhỏ 1973 đến nay 1987 mới nhận được con*” (BL 07). Theo công văn số 2271/CAĐT ngày 26/12/2015 của Công an huyện Đức Trọng thì đơn xin xem xét trên được UBND TT Liên Nghĩa xác nhận ngày 02/12/1987 và được Công an TT Liên Nghĩa xác nhận ngày 22/3/1993 (. BL 03).

Tại phiên họp, Ông L xác nhận: Theo đơn xin nhập khẩu thì cụ ông Lê N. P xác nhận ông là con trai của mình nhưng từ năm 1987 cho tới thời điểm ông nộp đơn yêu cầu xác nhận cha cho con tại Tòa án vào ngày 22/11/2018 thì cụ P và ông vẫn chưa thực hiện thủ tục hành chính nhận cha con theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào yêu cầu của Ông L thì việc giám định ADN giữa Ông L và cụ P là bắt buộc phải thực hiện để chứng minh quan hệ cha con thông qua việc xác định có quan hệ huyết thống. Tuy nhiên, theo giấy chứng tử do UBND thị trấn W, huyện Đức Trọng cấp ngày 16/9/2015 (BL 02) thể hiện thì cụ ông Lê N. P đã chết vào lúc 20 giờ 25 phút ngày 11/6/2015 nên việc giám định ADN giữa cụ P và Ông L không thể tiến hành. Song qua xem xét thấy rằng: Để chứng minh quan hệ huyết thống giữa Ông L với cụ P (*là người đã chết*) thì việc giám định ADN giữa Ông L với người có cùng giới tính và có quan hệ huyết thống cận nhất (*do cùng cha, cùng mẹ sinh ra*) với cụ P để so sánh, đối chiếu là cần thiết cho việc giải quyết vụ việc.

Tại đơn ghi ngày 31/12/2018 (*được Công an xã Nghĩa Thương xác nhận*) xác định được quan hệ huyết thống (*anh, chị, em ruột do cùng cha, cùng mẹ sinh ra*) của cụ ông Lê N. P (*sinh năm: 1937 - chết ngày 11/6/2015*) gồm có: cụ ông Lê T. T (*sinh năm: 1907 - chết năm 1957*), cụ bà Lê T. L (*sinh năm: 1933 - hiện đang bị tai biến nặng*), cụ bà Lê T. Oa (*sinh năm: 1938*), cụ ông Lê N. T (*sinh năm: 1940 - chết ngày 07/01/2017*) và cụ ông Lê N. A (*sinh năm 1948*). Từ đó, xác định được người có cùng giới tính, có quan hệ huyết thống cận nhất (*do cùng cha, cùng mẹ sinh ra*) với cụ P có thể thu mẫu để thực hiện việc giám định ADN là cụ ông Lê N. A (*cũng là em ruột của cụ ông Lê N. P*).

Trên cơ sở đó, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lâm Đồng đã tiến hành việc thu mẫu (*lấy máu từ tĩnh mạch, phết lên phiếu thu mẫu và để khô tự nhiên*) của ông Lê N. L với cụ ông Lê N. A để giám định ADN xác định quan hệ huyết thống được thực hiện theo Quyết định trưng cầu giám định số 01/2019/QĐ-TCGD ngày 28/5/2019 của Tòa án. Và tại kết quả xét nghiệm ADN ngày 26/6/2019 do Trung tâm phân tích ADN và công nghệ di truyền thực hiện cho ra kết luận “*cụ Lê N. A (ký hiệu Chu) và ông Lê N. L (ký hiệu Cht) có quan hệ huyết thống*”.

Qua đó cho thấy, giữa ông Lê N. L với cụ ông Lê N. A và cụ ông Lê N. P có quan hệ huyết thống. Từ đó cũng có căn cứ để xác định: ông Lê N. L là cháu

ruột của cụ ông Lê N. A (*quan hệ là chú cháu ruột*) và là con đẻ của cụ ông Lê N. P (*quan hệ con là cha con đẻ*) nên việc ông Lê N. L yêu cầu Tòa án xác định cụ ông Lê N. P là cha đẻ của ông là có cơ sở để chấp nhận.

{2} Xét thấy đề nghị của Luật sư bảo vệ Quyền, lợi ích hợp pháp của người yêu cầu xác định cha cho con và Đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

{3} Về chi phí tố tụng: ông Lê N. L chịu toàn bộ chi phí giám định ADN. Ông L đã nộp đủ chi phí tố tụng.

{4} Về lệ phí giải Quyết việc hôn nhân gia đình: ông Lê N. L phải chịu lệ phí giải Quyết việc Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Q U ẾT Đ Ị N H:

- Căn cứ khoản 10 Điều 29, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 88, Điều 90, Điều 101 và Điều 102 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 37 - Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn của ông Lê N. L về việc yêu cầu Tòa án xác định cụ ông Lê N. P (*sinh năm 1937 – chết ngày 11/6/2015. Nơi đăng ký thường trú trước khi chết: Số 13, tổ 15, đường S, thị trấn W, huyện Đức Trọng, tỉnh L Đồng*) là cha đẻ của ông Lê N. L, sinh ngày 19/7/1973.

Ông Lê N. L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm lại giấy khai sinh và điều chỉnh thông tin lý lịch nhân thân theo quy định của pháp luật.

2. Về lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Lê N. L phải chịu 300.000đồng tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011885 ngày 27/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Ông L đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Về Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị:

- Ông Lê N. L có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc hôn nhân gia đình trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm;

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (*gồm cụ bà Trần T. Q, cụ ông Lê N. A, cụ bà Lê T. Oa*) vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc hôn nhân gia đình hoặc kể từ ngày quyết định này được niêm yết công khai;

- Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc hôn nhân gia đình trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP. Đà Lạt;
- UBND TT Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ việc hôn nhân gia đình.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Đặng Thị Thới